

Bản án số: 41/2019/HS-ST

Ngày: 13 – 3 – 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Năm.

2/ Bà Nguyễn Thị Kính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HS ngày 27/02/2019 đối với bị cáo: Huỳnh Dương L (tên gọi khác: Nông, Cà Nông), sinh ngày 29/3/1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 283/28 Đường BS, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Thị Ch ©; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 08/3/2016, bị Công an Quận T bắt về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; sau đó, ngày 26/5/2016, Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 21 tháng (theo Quyết định số 323/QĐ-TA ngày 26/5/2016); đến ngày 08/12/2017 chấp hành xong quyết định; nhân thân: Ngày 20/9/2011, bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; ngày 26/9/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với thời hạn 24 tháng và bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện 24 tháng, kể từ ngày 26/9/2013. Ngày 10/10/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở Xã hội Thanh Thiếu Niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đến ngày 19/11/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định hủy quyết định đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở Xã hội Thanh Thiếu Niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Huỳnh Dương L do Huỳnh

Dương L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T khởi tố bị can và thi hành Lệnh bắt tạm giam bị can; bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2018. (Có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1960; nơi cư trú: Số 32 đường Đường BĐ, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, Huỳnh Dương L nảy sinh ý định đi tìm tài sản của người khác để sơ hở thì chiếm đoạt. Vào khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 30/06/2018, L gặp Lê Tấn D (sinh ngày 25/3/2001) ở cầu TQB, Phường N, Quận T và L nhờ D chở đi đến nhà người quen để mượn tiền thì được D đồng ý (D không biết mục đích của L là đi tìm nhà có tài sản để sơ hở thì vào lấy trộm). Sau đó, D điều khiển xe gắn máy (không rõ biển số) chở L ngồi phía sau, khi đến trước nhà số 32 đường BĐ, Phường B, Quận T thì L phát hiện nhà này còn sáng đèn, cửa khép hờ; nên L nói D dừng xe đứng đợi gần căn nhà trên để L vào nhà hỏi mượn tiền. Sau đó, L đi vào trong nhà và phát hiện bà Nguyễn Thị Đ đang nằm ngủ trên ghế salon, bà Đ có để 01 ví cầm tay màu nâu – trắng trong túi nylon màu trắng, bên trong ví có tiền; L lén lút đến lấy túi nylon có chiếc ví nói trên rồi đi ra khỏi nhà định tẩu thoát thì nhìn thấy tổ tuần tra Công an Phường đang đi đến, nên L nói D vào nhà trên tìm chìa khóa xe giúp L. Trong lúc D vừa vào nhà trên, thì L điều khiển xe của D bỏ chạy thoát, còn D bị Công an Phường B, Quận T đưa về trụ sở làm rõ. Sau khi lấy chiếc túi nylon, L kiểm tra trong chiếc ví có số tiền 8.000.000 đồng và L tiêu xài cá nhân hết, còn chiếc túi nylon và chiếc ví thì L vứt bỏ, nhưng không xác định được khu vực vứt bỏ chiếc túi nylon và chiếc ví. Sau khi lấy trộm được tài sản của bà Đ, khoảng 02 ngày sau, L đem chiếc xe gắn máy trên trả lại cho D và sau đó D không có nhu cầu sử dụng chiếc xe nên đã bán lại cho một người đàn ông (không rõ lai lịch), khi mua bán hai bên không có làm giấy tờ vì trước đó chiếc xe bị mất giấy tờ.

Bị mất trộm tài sản, bà Đ đến Công an Phường B, Quận T trình báo và vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T để làm rõ.

Ngày 16/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với Huỳnh Dương L, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 28/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T yêu cầu định giá 01 ví cầm tay bằng nhựa màu trắng – nâu và 01 chiếc túi xách nylon màu trắng (loại giống bao đựng gạo) có quai, kích thước 25x35cm, màu trắng. Tuy nhiên, tài sản trên không có hiệu, loại sản phẩm; nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận T không có cơ sở định giá. Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Đ chỉ yêu cầu được bồi thường số tiền bị mất trộm là 8.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T, Huỳnh Dương L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Đối với Lê Tấn D, qua điều tra xác định không phải là đồng phạm với Huỳnh Dương L; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T không xử lý.

Bản cáo trạng số 48/CT – VKS ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Huỳnh Dương L về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình

sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Huỳnh Dương L mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Đồng thời đề nghị miễn phần hình phạt bổ sung cho bị cáo (do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, khó thi hành). Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường theo yêu cầu của bị hại số tiền 8.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Dương L đã khai nhận toàn bộ hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của bị hại là bà Nguyễn Thị Đ, tại nhà số 32 Đường BD, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản chiếm đoạt là số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) để trong một ví cầm tay bằng nhựa màu nâu – trắng trong một chiếc túi nylon màu trắng (loại giống bao đựng gạo) có quai, kích thước 25x35cm, màu trắng.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận T và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc ví cầm tay bằng nhựa màu trắng – nâu và chiếc túi nylon màu trắng (loại giống bao đựng gạo) có quai, kích thước 25x35cm, màu trắng; do không có hiệu, loại sản phẩm, nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận T không có cơ sở định giá. Đồng thời, phía bị hại không có yêu cầu bồi thường các tài sản này (do trị giá rất nhỏ, không đáng kể). Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Bị hại Nguyễn Thị Đ chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 8.000.000 đồng.

Như vậy, tài sản chiếm đoạt thuộc trường hợp tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Huỳnh Dương L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về nhân thân: Bị cáo có quá trình nhân thân xấu (bị cáo là người nghiện ma túy trong một thời gian dài, đã từng bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đưa đi cai nghiện bắt buộc và tính đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo vẫn còn tiền sự chưa được xóa), nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng và sửa chữa lỗi lầm để phấn đấu thành công dân sống có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng cần phải lưu ý khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phía bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s Khoản 1 và

Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Bản cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Huỳnh Dương L là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt một số tiền nhất định để nộp ngân sách nhà nước. Nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, nhưng bị hại bà Nguyễn Thị Đ có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản bị chiếm đoạt (không thu hồi được) là số tiền 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của bị hại bà Nguyễn Thị Đ. Vì vậy, bị cáo L phải có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường một lần số tiền như trên cho bị hại, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[8] Về vật chứng: Các tài sản bị chiếm đoạt cũng như chiếc xe gắn máy (không rõ biển số) mà bị cáo L sử dụng để tẩu thoát, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T không thu hồi được; nên không có cơ sở xem xét xử lý.

[9] Đối với Lê Tấn D, qua điều tra xác định không phải là đồng phạm với Huỳnh Dương L, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T không xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; các điểm: i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Dương L (tên gọi khác: Nông, Cà Nông) 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 19/11/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với bị cáo Huỳnh Dương L (tên gọi khác: Nông, Cà Nông).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 584, 585, 586, 589, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

Buộc bị cáo Huỳnh Dương L (tên gọi khác: Nông, Cà Nông) chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản không thu hồi được cho bị hại là bà Nguyễn Thị Đ, với số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Huỳnh Dương L (tên gọi khác: Nông, Cà Nông) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo mức như trên), cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản; hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng D hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8, TP.HCM;
- CQTHAHS Q.8, TP.HCM;
- NTG CAQ.8, TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Trọng Trúc